

Số: 14 /TB-PHGL-CTS-V

Gia Lai, ngày 26 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc thực hiện thủ tục miễn giảm học phí và chính sách đối với sinh viên năm 2024

Căn cứ Thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 25/08/1998 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/02/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc Phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

Nhà trường hướng dẫn quy trình, thủ tục và hồ sơ để được hưởng chế độ chính sách và miễn giảm học phí cho sinh viên hệ chính quy như sau:

I. Chế độ miễn, giảm học phí

1. Miễn học phí

1.1. Đối tượng 1: Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005, Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

*** Hồ sơ gồm có:**

- Đơn đề nghị Miễn giảm học phí (theo mẫu);
- Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công.

1.2. Đối tượng 2: Sinh viên bị tàn tật, khuyết tật

*** Hồ sơ gồm có:**

- Đơn đề nghị Miễn giảm học phí (theo mẫu);



- Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này.

1.3. Đối tượng 3: Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;
- b) Mồ côi cả cha và mẹ;
- c) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật;
- d) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- đ) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- e) Cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật;
- g) Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- h) Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- i) Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- k) Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- l) Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

*** Hồ sơ gồm có:**

- Đơn đề nghị Miễn giảm học phí (theo mẫu);
- Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1.4. Đối tượng 4: Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

*** Hồ sơ gồm có:**

- Đơn đề nghị Miễn giảm học phí (theo mẫu);
- Bản sao Giấy khai sinh;
- Giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp.

1.5. Đối tượng 5: Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền. Cụ thể các dân tộc: Công, Mảng, Pu Páo, Si La, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái,

PH
HÂN
NG
NH
DAI H

Chứt, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ (sau đây gọi là dân tộc thiểu số rất ít người).

*** Hồ sơ gồm có:**

- Đơn đề nghị Miễn giảm học phí (theo mẫu);
- Bản sao Giấy khai sinh;
- Giấy xác nhận công dân nơi cư trú do công an cấp xã cấp.

2. Giảm học phí

2.1. Giảm 70% học phí: sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

*** Hồ sơ gồm có:**

- Đơn đề nghị Miễn giảm học phí (theo mẫu);
- Bản sao Giấy khai sinh;
- Giấy xác nhận công dân nơi cư trú do công an cấp xã cấp.

2.2. Giảm 50% học phí: sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên

*** Hồ sơ gồm có:**

- Đơn đề nghị Miễn giảm học phí (theo mẫu);
- Bản sao Giấy khai sinh;
- Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp.

II. Trợ cấp xã hội

1.1. Đối tượng 1: sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao. Căn cứ để xác định người dân tộc ít người là giấy khai sinh bản gốc, hoặc giấy kết hôn của bố mẹ (nếu giấy khai sinh bản gốc bị thất lạc), trong đó có ghi bố hoặc mẹ là người dân tộc ít người. Người dân tộc ít người ở vùng cao là người dân tộc ít người liên tục sống ở vùng cao hoặc có hộ khẩu thường trú ở vùng cao ít nhất từ 3 năm trở lên (tính đến thời điểm vào học tại trường đào tạo).

*** Hồ sơ gồm có:**

- Đơn đề nghị hưởng trợ cấp xã hội (theo mẫu);
- Bản sao Giấy khai sinh;
- Giấy xác nhận công dân nơi cư trú do công an cấp xã cấp.

1.2. Đối tượng 2: sinh viên là người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa. Đây là những người không có người đỡ đầu chính thức, không có nguồn chu cấp thường xuyên (học sinh, sinh viên phải xuất trình giấy xác nhận của cơ quan thương binh xã hội cấp quận, huyện, thị xã trên cơ sở đề nghị của phường, xã nơi học sinh, sinh viên cư trú).

*** Hồ sơ gồm có:**

- Đơn đề nghị hưởng trợ cấp xã hội (theo mẫu);

- Giấy xác nhận của cơ quan thương binh xã hội cấp quận, huyện, thị xã trên cơ sở đề nghị của phường, xã nơi học sinh, sinh viên cư trú.

1.3 Đối tượng 3: SV là người tàn tật theo quy định của Nhà nước tại Nghị định số 81/CP ngày 23/11/1995 gặp khó khăn về kinh tế.

*** Hồ sơ gồm có:**

- Đơn đề nghị hưởng trợ cấp xã hội (theo mẫu);
- Biên bản giám định của Hội đồng Y khoa;
- Giấy xác nhận SV có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế do UBND cấp xã, phường cấp.

III. Hỗ trợ chi phí học tập

Đối tượng được hưởng: sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Nhà nước.

*** Hồ sơ gồm có:**

- Đơn xin hỗ trợ chi phí học tập (theo mẫu);
- Sổ hoặc giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc cận nghèo do UBND cấp xã, phường cấp.

IV. Nguyên tắc thực hiện:

- Mỗi sinh viên nộp 02 bộ hồ sơ bao gồm các giấy tờ liên quan đến các chế độ. Sinh viên nộp giấy tờ phô tô công chứng hoặc mang theo bản gốc để đối chiếu.

- Mỗi sinh viên chỉ được hỗ trợ 01 lần khi tham gia học tập.

- Trường hợp sinh viên thuộc đối tượng được hưởng nhiều chính sách cùng lúc thì chỉ được hưởng một chính sách cao nhất.

- Sinh viên nộp trực tiếp hồ sơ hưởng chế độ chính sách về Phòng Chính trị và CTSV (Thầy Cường - SĐT: 0979315321) **chậm nhất ngày 08 tháng 3 năm 2024.**

- Mọi thắc mắc xin vui lòng liên hệ thầy Cao Quốc Cường (SĐT - Zalo: 0979315321).

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- GVCN, SV các lớp;
- Lưu: VT, CTCTSV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



TS. Ngô Văn Long